

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 19 - 8 - 2020

V/v *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Vũ Thị Nguyệt**

***Các Thẩm phán:*** Ông **Nguyễn Văn Thanh**  
Ông **Bùi Hữu Nhân**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Vũ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện BL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1979

Địa chỉ: Hẻm A Chu Văn A, Phường B, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng

***2. Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hoàng T , sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn C, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Bà Nguyễn Thị C , sinh năm: 1935

Địa chỉ: Thôn D, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà C ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng T theo văn bản ủy quyền ngày 01/9/2017)

Do có kháng cáo của: Bà Nguyễn Thị H – Nguyên đơn.

*(Bà H, ông T có mặt; Bà C vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc An, huyện BL vào ngày 04/02/1998 được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán.

Bà H và ông T cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu nhau, tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không thể hàn gắn được nên từ tháng 8/2016 đến nay thì vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, bà H ly hôn thì ông T đồng ý thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Phú C, sinh ngày 31/10/1998 và cháu Nguyễn Huỳnh Bảo H, sinh ngày 05/7/2004. Hiện nay cháu C đã đủ tuổi thành niên nên vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Bà H và ông T đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến đủ tuổi thành niên, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản gồm:*

Tài sản thứ 1: Thửa đất số 530, tờ bản đồ số F. 139.4, diện tích 1.922m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở và 1.522m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Thôn 7, xã Lộc An, huyện BL đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 760827 ngày 17/7/1999 mang tên bà Nguyễn Thị C. Bà C đã làm thủ tục tặng cho con là ông Nguyễn Hoàng T vào ngày 28/12/2015;

Tài sản thứ 2: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 07, diện tích 14.171m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (CLN) tại Thôn 1, xã Lộc Bắc, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 544576 ngày 05/9/2006 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Hoàng T. Ngày 07/8/2015 đã làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Hào, bà Trà Thị Thanh Nga;

Tài sản thứ 3: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133-2015), diện tích 22.821m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (CLN) tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 094582 ngày 26/01/2016 mang tên Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Thị H;

Tài sản thứ 4: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133-2015), diện tích 1.033m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (CLN) tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 094581 ngày 26/01/2016 mang tên Nguyễn Hoàng T , Nguyễn Thị H ;

Tài sản thứ 5: 14 tấn cà phê nhân.

Đối với tài sản thứ nhất và tài sản thứ hai là thửa đất số 530 và thửa đất số 42 thì bà H và ông T đã thỏa thuận chia xong; bà H và ông T không yêu cầu giải quyết.

Đối với các tài sản còn lại, bà H yêu cầu chia mỗi người  $\frac{1}{2}$ , nguyện vọng của bà H là được nhận bằng hiện vật. Ông T không đồng ý chia theo yêu cầu của bà H vì cho rằng hai thửa đất số 01 và 02 ở Lộc Bắc là của bà Nguyễn Thị C (mẹ ông T) nên phải trả lại; đối với tài sản trên hai thửa đất này là của chung vợ chồng nên ông T đồng ý chia đôi mỗi người  $\frac{1}{2}$  nhưng do đất là của mẹ ông T nên ông T nhận toàn bộ tài sản và đồng ý thanh toán cho bà H  $\frac{1}{2}$  giá trị theo chứng thư thẩm định giá. Đối với tài sản thứ 5 là 14 tấn cà phê thì ông T không đồng ý chia.

*Về nợ chung:*

1. Nợ Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh Bảo Lộc số tiền gốc là 200.000.000đ;

2. Nợ Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bảo Lộc- Phòng giao dịch Lộc An số tiền gốc là 300.000.000đ;

3. Nợ bà Võ Thị Sương 28.000.000đ;

4. Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện BL, tỉnh Lâm Đồng số tiền 12.000.000đ;

5. Nợ Công ty TNHH Đăng Khoa BL số tiền 250.000.000đ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C , đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng T trình bày:*

Vào năm 1998 bà C có mua 02 lô đất của ông Bùi C và ông K' tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL. Do tuổi cao và để thuận tiện cho việc giao dịch với ngân hàng khi vay tiền nên bà C đã cho vợ chồng ông T , bà H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng ông T , bà H ly hôn thì bà C yêu cầu vợ chồng trả lại cho bà toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích 22.821m<sup>2</sup> và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích 1.033m<sup>2</sup> đều tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL. Bà C đồng ý thanh toán lại cho vợ chồng giá trị tài sản trên đất.

Do bà C là mẹ ruột và hiện nay đang chung sống cùng ông T nên bà C đồng ý giao tài sản cho ông T quản lý, phần giá trị tài sản phải thanh toán cho bà H thì ông T sẽ có trách nhiệm thanh toán thay cho bà C.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện BL đã xử

1/ **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Hoàng T về tranh chấp "*Ly hôn*".

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T .

2/ **Về con chung:**

Giao cháu Nguyễn Huỳnh Bảo Huy, sinh ngày 05/7/2004 cho ông Nguyễn Hoàng T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn cháu Nguyễn Huỳnh Phú C, sinh ngày 31/10/1998 đã đủ tuổi thành niên, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

3/ **về tài sản:**

3.1 *Giao cho ông Nguyễn Hoàng T được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản là:*

+ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích 22.821m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (CLN) và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 094582 ngày 26/01/2016 mang tên Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Thị H ;

+ Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích 1.033m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (CLN) và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 094581 ngày 26/01/2016 mang tên Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Thị H .

Căn cứ vào quyết định của Bản án này, ông Nguyễn Hoàng T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H 1/2 giá trị tài sản chung là 226.449.500đ.

3.2- Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản là thửa đất số 530, tờ bản đồ số F. 139.4. diện tích 1.922m<sup>2</sup> tại Thôn 7, xã Lộc An, huyện BL và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 07, diện tích 14.171m<sup>2</sup> tại Thôn 1, xã Lộc Bắc, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

3.3- Bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia 1/2 giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133-2015), diện tích 22.821m<sup>2</sup> và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích 1.033m<sup>2</sup> tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

3.4-Bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia 1/2 giá trị sản lượng cà phê là 14 tấn cà phê nhân.

4/Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H ½ số tiền mà bà Nguyễn Thị H đã trả cho ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện BL, tỉnh Lâm Đồng tương đương 6.000.000đ

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng T 1/2 số tiền gốc mà ông Nguyễn Hoàng T đã trả cho Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam-Chi nhánh Bảo Lộc tương đương 100.000.000đ và 1/2 số tiền gốc mà ông Nguyễn Hoàng T đã trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bảo Lộc- Phòng giao dịch Lộc An tương đương 150.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/12/2019 bà H kháng cáo yêu cầu được nhận ½ tài sản bằng hiện vật, không đồng ý thanh toán ½ khoản tiền nợ của ngân hàng và yêu cầu được chia ½ giá trị sản lượng 14 tấn cà phê nhân.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông T không đồng ý với kháng cáo của bà H , đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H , căn cứ khoản 2, Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân và con chung: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Hồng đối với tài sản chung là thửa đất số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích 22.821m<sup>2</sup> và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích 1.033m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng mang tên Nguyễn Hoàng T , Nguyễn Thị H là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà H không xác định được nguồn gốc hai thửa đất trên. Trong khi đó ông T và bà C cho rằng 2 thửa đất này có nguồn gốc là do bà C nhận chuyển nhượng của ông Bùi C (BL 127) và của ông K' (BL 125) năm 1998 và nhờ vợ chồng ông T , bà H đứng tên. Ông T , bà C cung cấp chứng cứ là giấy mua bán đất thể hiện người mua là bà Nguyễn Thị C . Mặt khác, theo lời trình bày của những người làm chứng (BL số 33) ông Võ Ngọc K, ông Võ Thanh S (cậu ruột bà H ), vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Lê B (chị ruột và anh rể) bà H đều xác nhận là đất là bà C mua, nhờ con trai và con dâu đứng tên. Tại phiên tòa hôm nay ông S và ông B thay đổi lời khai cho rằng khi xác nhận không xem kỹ nội dung, mục đích chỉ là xác nhận bà C có bán đất cho mẹ của bà H . Việc thay đổi lời khai của ông S và ông B là không có cơ sở chấp nhận.

Tại đơn trình bày của ông Bùi C và ông K' (BL 154 - 155) đều khẳng định bán đất trực tiếp cho bà C chứ không liên quan gì đến ông T , bà H . Do đó, có căn cứ xác định hai thửa đất nêu trên là của bà C mua năm 1998. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà H được chia  $\frac{1}{2}$  diện tích 02 thửa đất trên là có căn cứ.

Đối với yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị sản lượng cà phê là 14 tấn nhân: Bà H cho rằng là sản lượng vụ mùa năm 2016, 2017 và 02 tấn cà phê do trước khi đi khỏi nhà bà để lại nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Hơn nữa, từ năm 2016 bà H và ông T sống ly thân thì việc đầu tư chăm sóc vườn cà phê, nuôi các con ăn học, trả lãi ngân hàng đều do một mình ông T trang trải. Do bà H không có công sức đóng góp vào việc đầu tư, chăm sóc và thu hoạch cà phê nên không có căn cứ để chia  $\frac{1}{2}$  sản lượng cà phê thu hoạch được cho bà H .

Việc bà H cho rằng đã đóng số tiền 410.000.000 đồng cho con là Nguyễn Huỳnh Phú C, sinh ngày 31/10/1998 đi du học tại Nhật Bản nên bà yêu cầu ông

T phải thanh toán lại cho bà ½ là 205.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xử cho bà H và ông T ly hôn ngày 28/11/2019 thì cháu C đã trên 18 tuổi.

Tại phiên tòa hôm nay bà H kháng cáo bổ sung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét đối với 2 thửa đất số 530, tờ bản đồ số F. 139.4, diện tích 1.922m<sup>2</sup> tại thôn 7, xã Lộc An, huyện BL và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 07, diện tích 14.171m<sup>2</sup> tại thôn 1, xã Lộc Bắc, huyện BL tỉnh lâm Đồng. Đối với các tài sản này do bà H đã rút yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, bà H có quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án cả bà Hồng ông T đều thừa nhận các khoản nợ chung như sau: Nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Bảo Lộc số tiền nợ gốc là 200.000.000đ; Nợ Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc - Phòng giao dịch Lộc An số tiền gốc là 300.000.000đ. Số nợ này được ông T, bà H vay trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung và mỗi người phải có trách nhiệm trả ½. Do ông T đã trả hết nợ cho Ngân hàng nên cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả lại cho ông T 1/2 số tiền nợ là 250.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá là 25.869.200đ bà H đã tạm nộp và quyết toán xong. Đây là chi phí cần thiết cho việc giải quyết vụ án, do đó cần buộc mỗi bên chịu 1/2. Buộc ông T có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 12.934.600đ

[5] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 thì bà H phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia và phần nợ phải trả. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại buộc bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu chia tài sản không được chấp nhận, còn phần nợ phải trả thì không buộc bà H chịu án phí là không đúng. Cấp sơ thẩm không buộc ông T phải chịu án phí đối với số nợ phải thanh toán cho bà H là không đúng. Do đó, cần phải sửa phần án phí.

Buộc bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm; án phí dân sự đối với phần tài sản được nhận  $226.449.500đ \times 5\% = 11.322.475đ$ ; án phí dân sự đối với phần nợ chung phải trả  $500.000.000đ/2 \times 5\% = 12.500.000đ$ ; Tổng cộng 24.422.475đ

Buộc ông T phải chịu án phí dân sự đối với phần tài sản được nhận  $226.449.500đ \times 5\% = 11.322.475đ$  và 300.000đ án phí dân sự đối với phần nợ chung phải trả; Tổng cộng 11.622.475đ

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân và con chung: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về tài sản:

2.1 Giao cho ông Nguyễn Hoàng T được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản là:

+ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích  $22.821m^2$ , mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (CLN) và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 094582 ngày 26/01/2016 mang tên Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Thị H ;

+ Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích  $1.033m^2$ , mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (CLN) và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 094581 ngày 26/01/2016 mang tên Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Thị H .

Ông Nguyễn Hoàng T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.



- Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H 1/2 giá trị tài sản chung là 226.449.500đ.

2.2- Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản là thửa đất số 530, tờ bản đồ số F. 139.4. diện tích 1.922m<sup>2</sup> tại Thôn 7, xã Lộc An, huyện BL và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 07, diện tích 14.171m<sup>2</sup> tại Thôn 1, xã Lộc Bắc, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

2.3- Bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia 1/2 giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133-2015), diện tích 22.821m<sup>2</sup> và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01 (mảnh trích đo số 133- 2015), diện tích 1.033m<sup>2</sup> tọa lạc tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

2.4- Bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia 1/2 giá trị sản lượng cà phê là 14 tấn cà phê nhân.

3/Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H ½ số tiền mà bà Nguyễn Thị H đã trả cho ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện BL, tỉnh Lâm Đồng tương đương 6.000.000đ

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng T 1/2 số tiền gốc mà ông Nguyễn Hoàng T đã trả cho Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam-Chi nhánh Bảo Lộc tương đương 100.000.000đ và 1/2 số tiền gốc mà ông Nguyễn Hoàng T đã trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bảo Lộc- Phòng giao dịch Lộc An tương đương 150.000.000đ.

4/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H số tiền 12.934.600đ.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.*

5/ Về án phí:

Buộc bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm; 11.322.475đ án phí dân sự đối với phần tài sản được nhận; 12.500.000đ án phí dân sự đối với phần nợ chung phải trả. Tổng cộng 24.422.475đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.300.000đ theo biên lai thu số 0004771 ngày 19/6/2017; số tiền 7.665.000đ theo biên lai thu số 0005365 ngày 21/8/2018 và số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0019523 ngày 14/01/2020 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL. Bà Nguyễn Thị H còn phải nộp 4.157.475đ tiền án phí.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 11.622.475đ tiền án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện BL (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (03);
- Lưu AV - HS (02) .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Nguyệt**